



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Mía đường Lam Sơn

Ngày 30/09/2025	10,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	8.0%	-6.5%

DT thuần Q3/25
384
tỷ VNĐ
QoQ: ▼280 -42.1%
YoY: ▼98.0 -20.2%

LN thuần Q3/25
20.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼49.7 -70.9%
YoY: ▼6.80 -25.1%

LN sau thuế Q3/25
15.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼42.9 -73.6%
YoY: ▼7.50 -32.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
9.1%
YoY: +/-▼ 4.2%

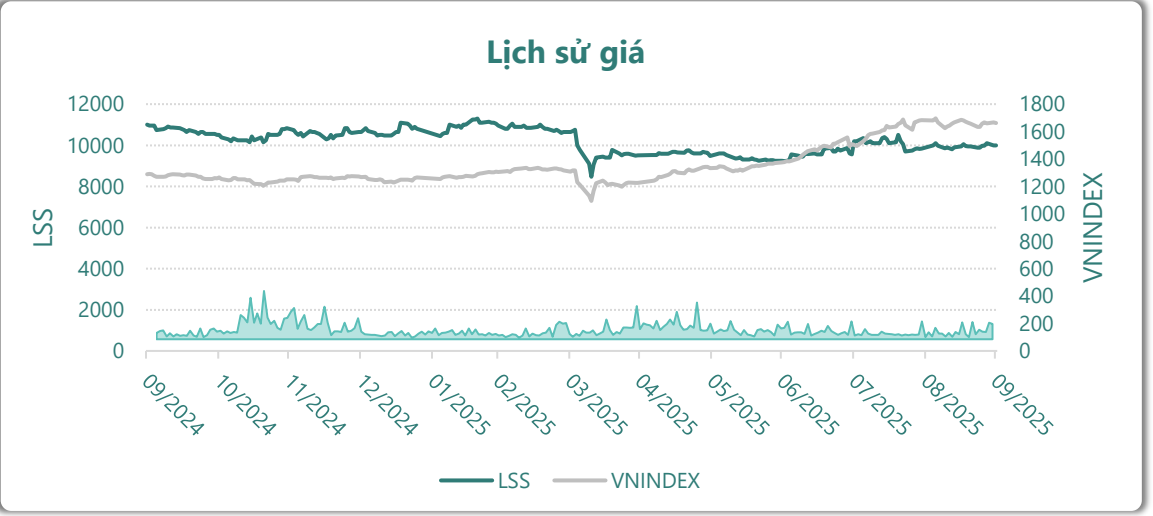
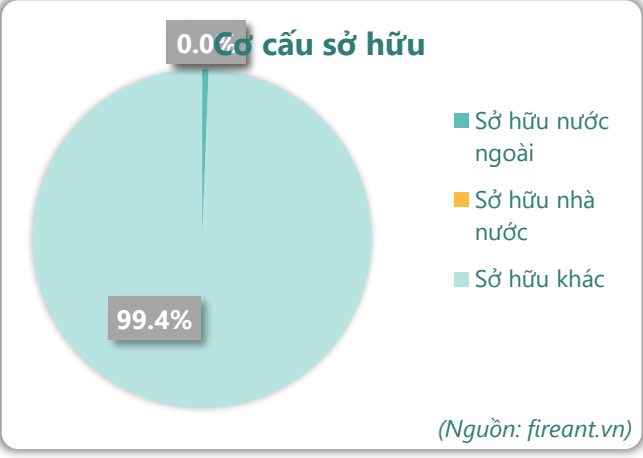
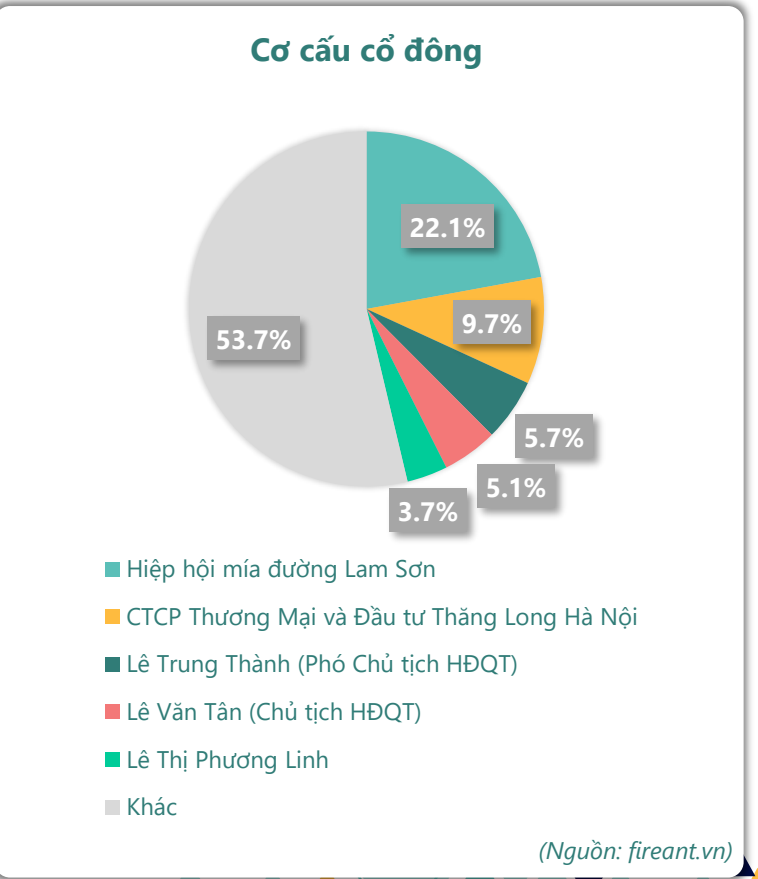
ROE (TTM) Q3/25
6.1%
YoY: +/-▼ 0.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,470 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	857
Số lượng CPLH (CP)	85,741,623
KLGD BQ 20 phiên (CP)	251,990
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.81
EPS	1,276
P/E	7.8

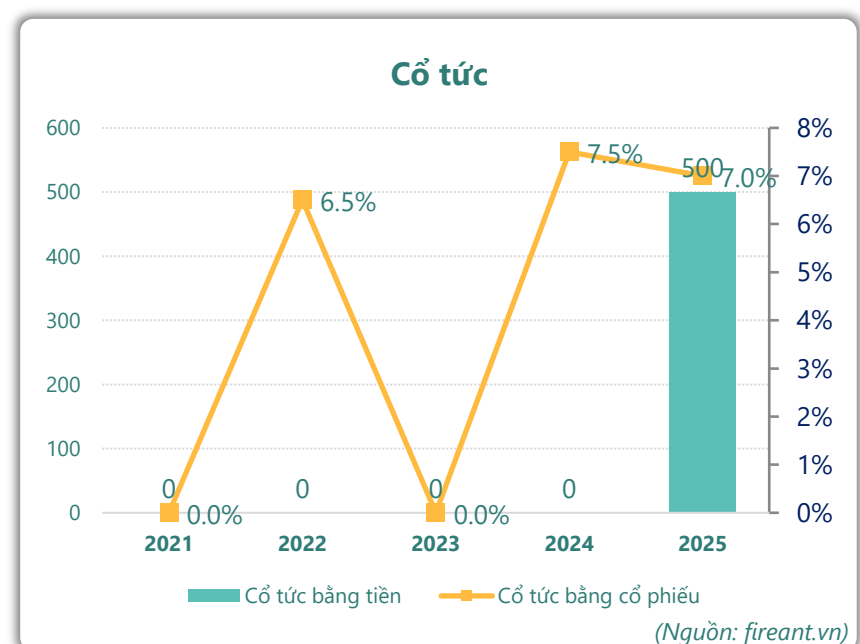
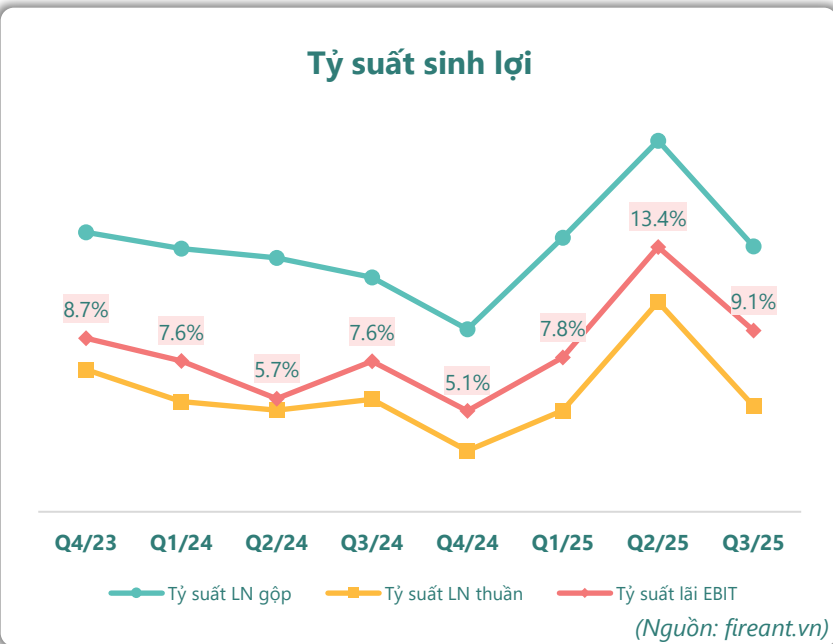
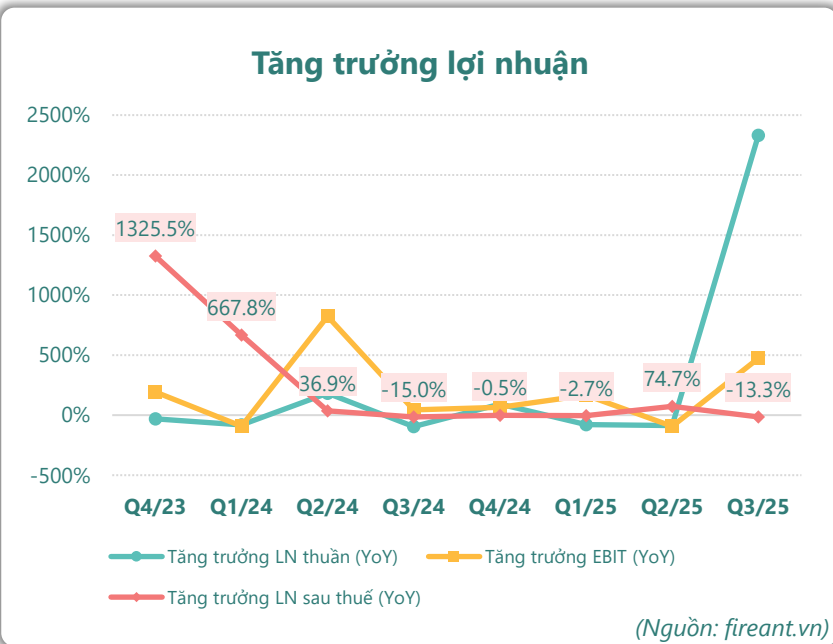
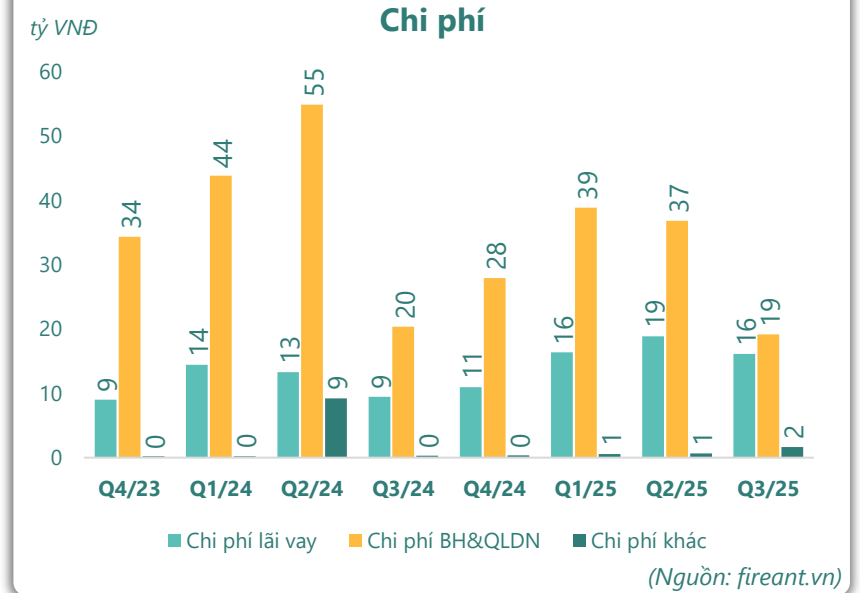
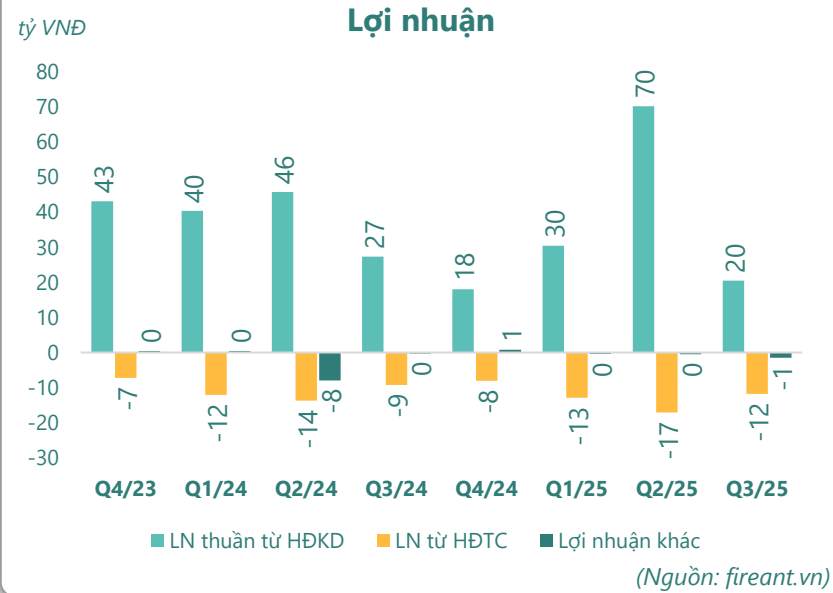
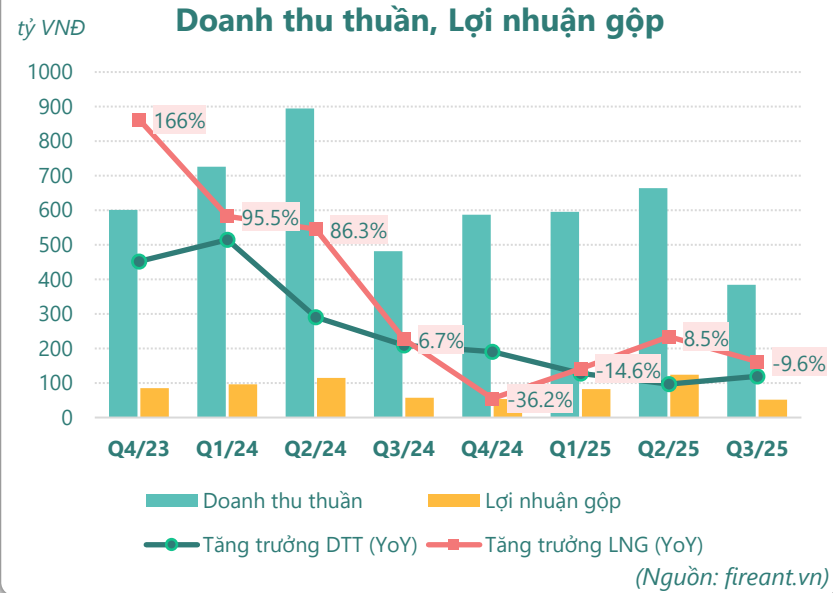
DT thuần 9T 2025
1,643
tỷ VNĐ
YoY: ▼459 -21.8%

LN thuần 9T 2025
121
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.00 6.7%

LN sau thuế 9T 2025
98.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.90 9.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH

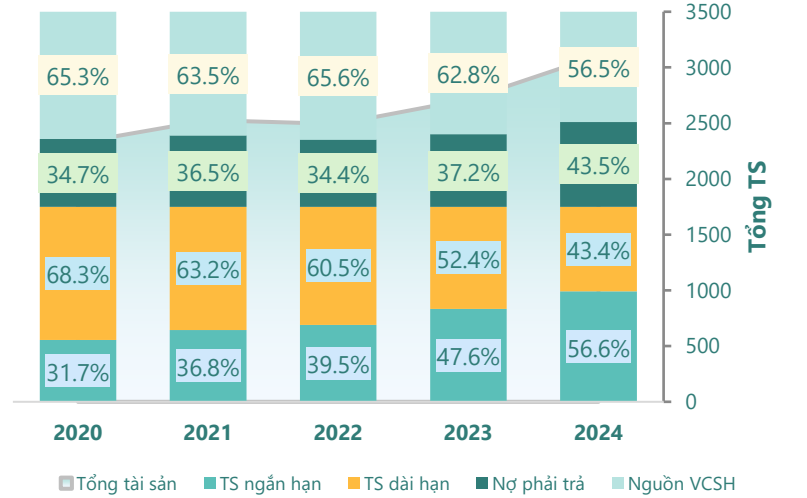


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

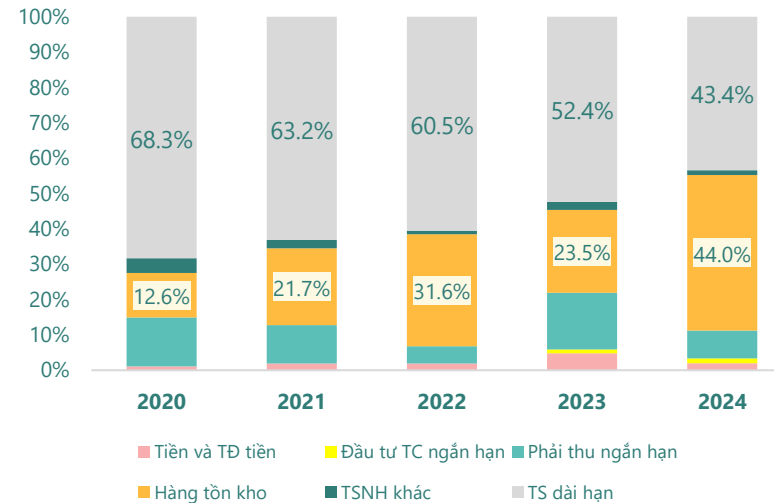
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

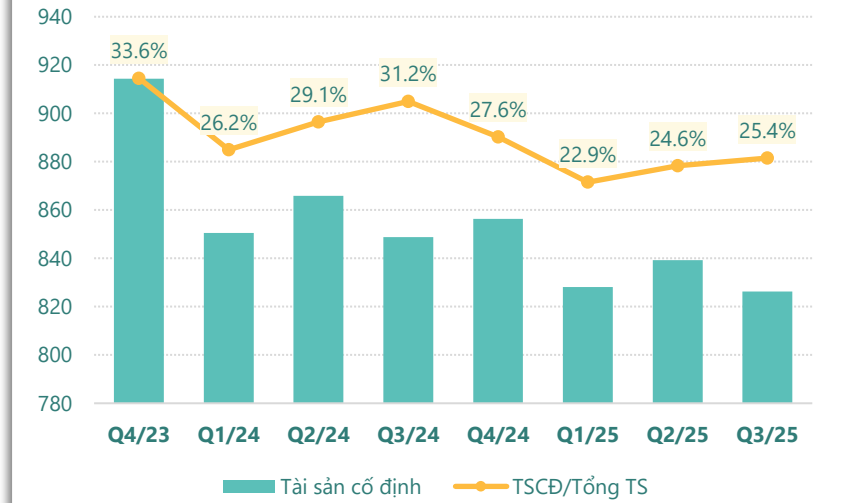
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

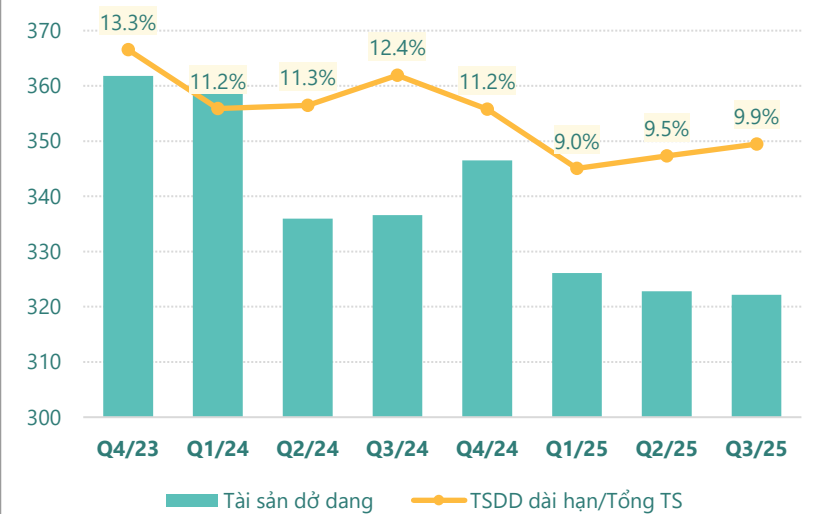
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

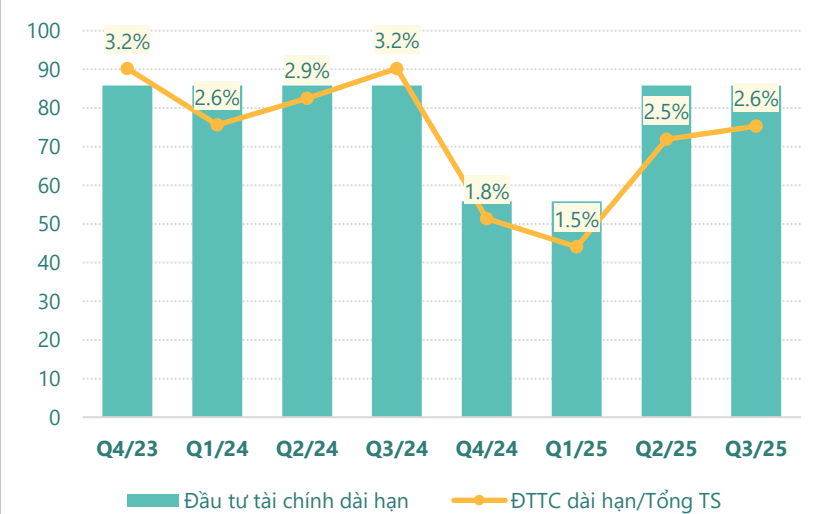
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

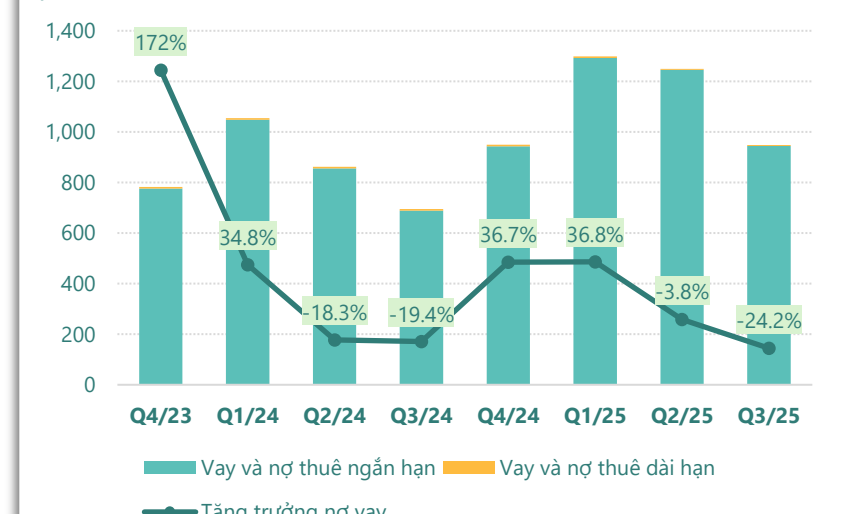
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

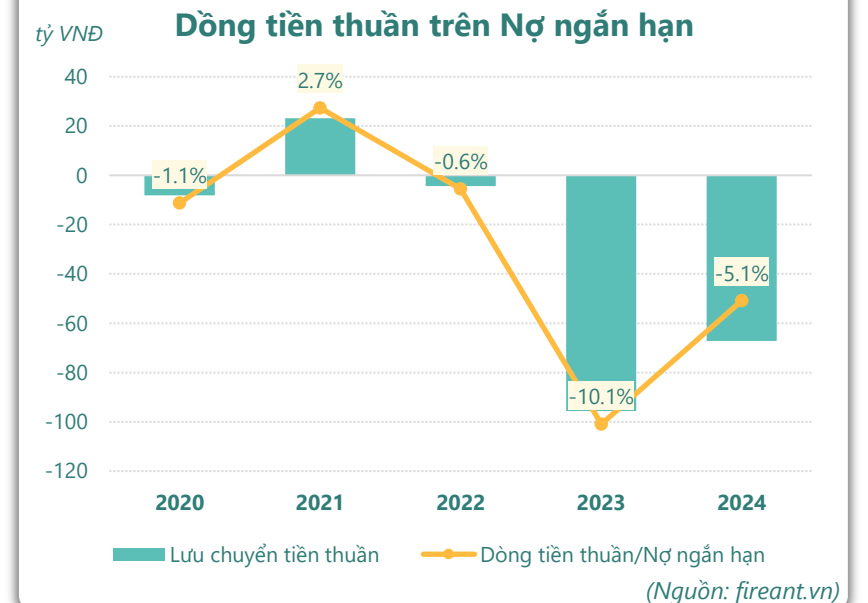
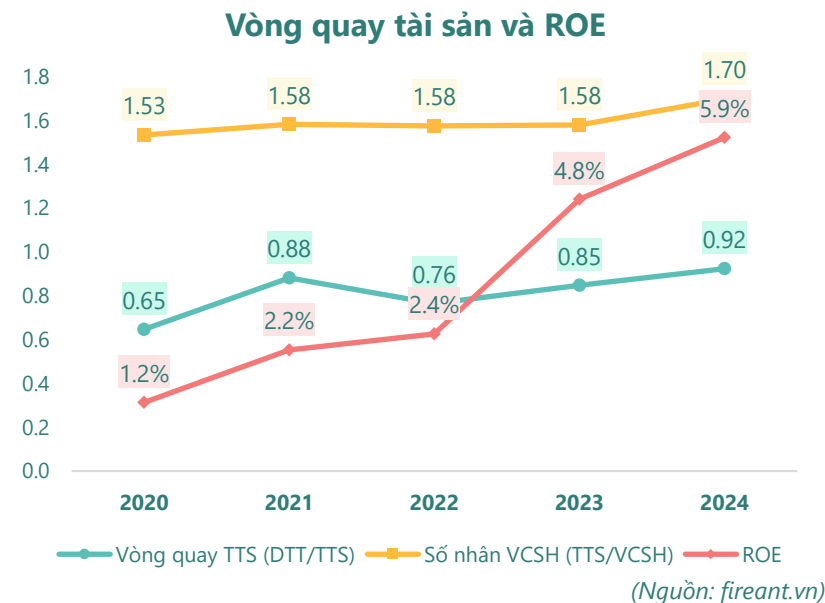
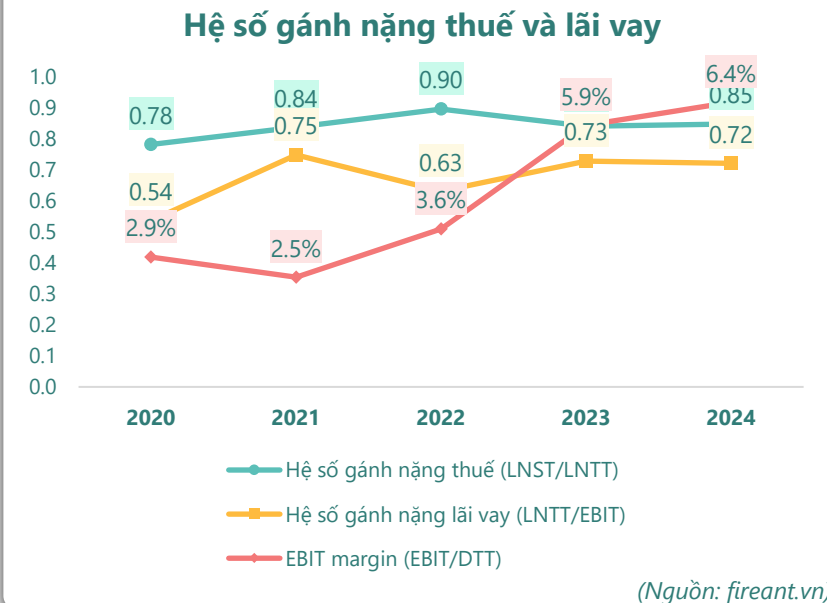
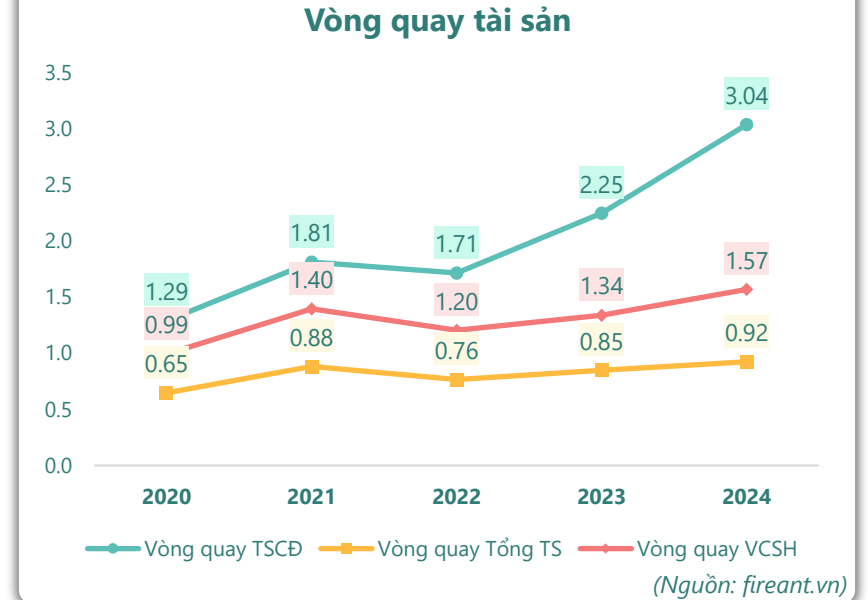
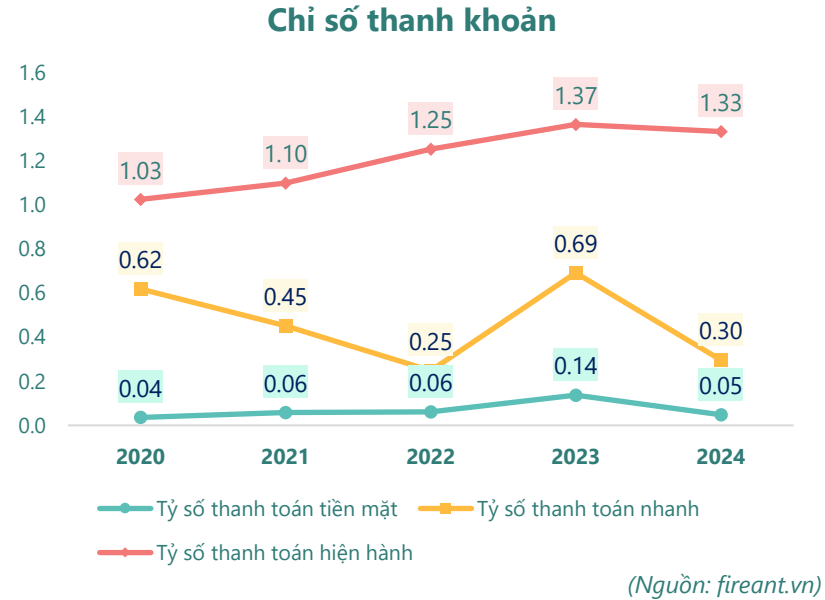
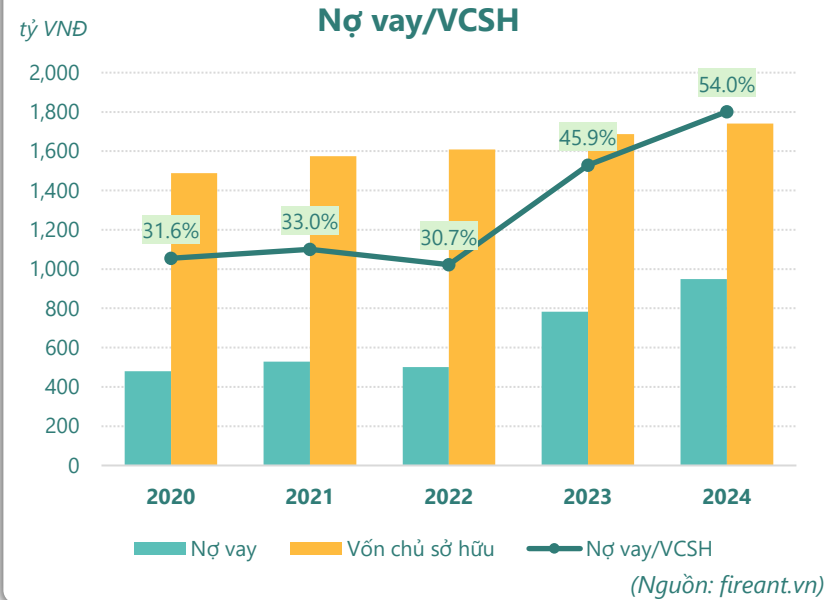
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	384	482	-20.2%	1,643	2,102	-21.8%
Giá vốn hàng bán	333	425	-21.7%	1,386	1,834	-24.5%
Lợi nhuận gộp	51.5	56.9	-9.5%	258	268	-3.7%
Doanh thu HĐTC	4.65	3.47	34.1%	10.5	10.2	3.1%
Chi phí TC	16.5	12.7	29.9%	52.5	45.3	15.9%
Chi phí lãi vay	16.1	9.48	70.2%	51.4	37.2	38.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	9.47	10.3	-8.1%	50.5	57.2	-11.7%
Chi phí QLDN	9.70	10.1	-3.9%	44.5	62.0	-28.3%
LN thuần từ HĐKD	20.5	27.3	-25.1%	121	113	6.7%
Lợi nhuận khác	-1.47	-0.28	-425%	-2.39	-7.91	69.7%
LN trước thuế	19.0	27.0	-29.7%	119	106	12.4%
Lợi nhuận sau thuế	15.4	22.9	-32.9%	98.5	89.6	9.9%
LNST của CĐ cty mẹ	16.0	22.7	-29.7%	92.7	84.7	9.4%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	265	150	-222	-326	103	320
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.2	-6.58	-6.84	-13.3	-92.7	-22.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-193	-167	255	350	-48.8	-302
Tiền đầu kỳ	32.4	61.2	37.1	62.8	73.1	35.1
Lưu chuyển tiền thuần	28.8	-24.1	25.7	10.3	-38.0	-5.25
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.02	-0.02	0	0
Tiền cuối kỳ	61.2	37.1	62.8	73.1	35.1	29.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,256	3,106	4.8%
Tài sản ngắn hạn	1,958	1,758	11.4%
Tiền và tương đương tiền	29.9	62.8	-52.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	88.7	40.5	119%
Phải thu ngắn hạn	372	245	52.0%
Hàng tồn kho	1,436	1,368	5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	30.6	42.1	-27.2%
Tài sản dài hạn	1,298	1,348	-3.7%
Phải thu dài hạn	0.10	32.9	-99.7%
Tài sản cố định	826	856	-3.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	322	346	-7.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	85.8	55.8	53.7%
Tài sản dài hạn khác	63.3	56.5	12.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,413	1,350	4.6%
Nợ ngắn hạn	1,387	1,320	5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	944	943	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.3	103	-42.4%
Nợ dài hạn	26.0	30.3	-14.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.74	6.34	-41.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,843	1,756	4.9%
Vốn chủ sở hữu	1,839	1,741	5.6%
Vốn điều lệ	857	801	7.0%
Kinh phí và quỹ khác	3.41	15.1	-77.4%

(Nguồn: fireant.vn)

